

Số: 07/2019/TT-BCA

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2019

**THÔNG TƯ**  
**Quy định về các biểu mẫu sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính**  
**thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân**

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ quy định hình thức xử phạt trực xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trực xuất và Nghị định số 17/2016/NĐ-CP ngày 17/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ quy định hình thức xử phạt trực xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trực xuất;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2013/NĐ-CP ngày 03/10/2013 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06/8/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;*

*Sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tư pháp;*

*Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về các biểu mẫu sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân.*

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về biểu mẫu và việc in, sử dụng, quản lý các biểu mẫu sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong Công an nhân dân.
2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân.

## **Điều 3. Các biểu mẫu sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính**

Ban hành kèm theo Thông tư các biểu mẫu dưới đây sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân:

1. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản (Mẫu số 01/QĐ-XPCLBB).
2. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Mẫu số 02/QĐ-XPHC).
3. Quyết định hoãn thi hành quyết định phạt tiền (Mẫu số 03/QĐ-HTHQĐPT).
4. Quyết định giảm/miễn tiền phạt vi phạm hành chính (Mẫu số 04/QĐ-GMTP).
5. Quyết định về việc nộp tiền phạt nhiều lần (Mẫu số 05/QĐ-NTPNL).
6. Quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập (Mẫu số 06/QĐ-CCKTMPLHTN).
7. Quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản (Mẫu số 07/QĐ-CCKTTTTK).
8. Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng số tiền phạt (Mẫu số 08/QĐ-CCKBTS).
9. Quyết định cưỡng chế thu tiền, tài sản để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Mẫu số 09/QĐ-CCTTTS).
10. Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (Mẫu số 10/QĐ-CCBKPHQ).
11. Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (Mẫu số 11/QĐ-TTTVPT).
12. Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (Mẫu số 12/QĐ-ADBPBKHQ).

13. Quyết định tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (Mẫu số 13/QĐ-THTVPT).
14. Quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Mẫu số 14/QĐ-THMPQĐXP).
15. Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính (Mẫu số 15/QĐ-TGN).
16. Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ người theo thủ tục hành chính (Mẫu số 16/QĐ-KDTHHTGN).
17. Quyết định chấm dứt việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính (Mẫu số 17/QĐ-CDTGN).
18. Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính (Mẫu số 18/QĐ-TGTVPTGPCC).
19. Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính (Mẫu số 19/QĐ-KDTHHTGTVPTGPCC).
20. Quyết định trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính (Mẫu số 20/QĐ-TLTVPTGPCC).
21. Quyết định khám người theo thủ tục hành chính (Mẫu số 21/QĐ-KNTTTHC).
22. Quyết định khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính (Mẫu số 22/QĐ-KPTVTĐV).
23. Quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (Mẫu số 23/QĐ-KNCGTVPT).
24. Quyết định chuyển hồ sơ vụ vi phạm hành chính có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự (Mẫu số 24/QĐ-CHS).
25. Quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Mẫu số 25/QĐ-TĐCQĐXP).
26. Quyết định chấm dứt việc tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Mẫu số 26/QĐ-CDTĐCQĐXP).
27. Quyết định đình chỉ quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Mẫu số 27/QĐ-ĐCQĐXP).
28. Quyết định hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Mẫu số 28/QĐ-HBQĐXP).
29. Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Mẫu số 29/QĐ-SĐQĐXP).
30. Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính (Mẫu số 30/QĐ-GQXP).

31. Quyết định về việc chấm dứt việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính (Mẫu số 31/QĐ-CDGQXP).

32. Quyết định về việc giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Mẫu số 32/QĐ-GQCC).

33. Quyết định về việc chấm dứt việc giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Mẫu số 33/QĐ-CDGQCC).

34. Quyết định về việc giao quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính (Mẫu số 34/QĐ-GQTGN).

35. Quyết định về việc chấm dứt việc giao quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính (Mẫu số 35/QĐ-CDGQTGN).

36. Quyết định giao tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo thủ tục hành chính (Mẫu số 36/QĐ-GTVPT).

37. Quyết định trưng cầu giám định (Mẫu số 37/QĐ-TCGD).

38. Quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản (Mẫu số 38/QĐ-TLHĐDGTS).

39. Quyết định thành lập Hội đồng xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (Mẫu số 39/QĐ-TLHĐXLTVP).

40. Quyết định xử phạt trực xuất theo thủ tục hành chính (Mẫu số 40/QĐ-TX).

41. Quyết định hoãn thi hành quyết định xử phạt trực xuất theo thủ tục hành chính (Mẫu số 41/QĐ-HTHTX).

42. Quyết định áp dụng biện pháp quản lý người nước ngoài trong thời gian làm thủ tục trực xuất (Mẫu số 42/QĐ-ADBPQLNNN).

43. Biên bản vi phạm hành chính (Mẫu số 43/BB-VPHC).

44. Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính (Mẫu số 44/BB-XM).

45. Biên bản phiên giải trình trực tiếp (Mẫu số 45/BB-PGTTT).

46. Biên bản về việc cá nhân/tổ chức vi phạm hành chính không nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Mẫu số 46/BB-KNQĐ).

47. Biên bản đặt tiền/ trả tiền bảo lãnh (Mẫu số 47/BB-TBL).

48. Biên bản bàn giao người bị tạm giữ hoặc bị áp giải theo thủ tục hành chính (Mẫu số 48/BB-BGN).

49. Biên bản người bị áp giải/trực xuất bỏ trốn (Mẫu số 49/BB-BT).

50. Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính (Mẫu số 50/BB-TGTVPTGPCC).

51. Biên bản khám người theo thủ tục hành chính (Mẫu số 51/BB-KN).
52. Biên bản khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính (Mẫu số 52/BB-KPTĐV).
53. Biên bản khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (Mẫu số 53/BB-KNCGTVPT).
54. Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (Mẫu số 54/BB-TTTVPT).
55. Biên bản tiêu huỷ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (Mẫu số 55/BB-THTVPT).
56. Biên bản xử lý đối với hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng (Mẫu số 56/BB-XLHHVP).
57. Biên bản bàn giao tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (Mẫu số 57/BB-BGTVPT).
58. Biên bản bàn giao phương tiện giao thông vi phạm hành chính cho tổ chức, cá nhân vi phạm giữ, bảo quản (Mẫu số 58/BB-BGPTGTVPHC).
59. Biên bản bàn giao hồ sơ vụ vi phạm hành chính cho Cơ quan điều tra (Mẫu số 59/BB-BGHS).
60. Biên bản trả lại giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp (Mẫu số 60/BB-TLGTTVPT).
61. Biên bản cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt (Mẫu số 61/BB-CCKB).
62. Biên bản cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (Mẫu số 62/BB-CCKPHQ).
63. Biên bản cưỡng chế thu tiền, tài sản để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Mẫu số 63/BB-CCTTTS).
64. Biên bản niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính (Mẫu số 64/BB-NP).
65. Biên bản mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính (Mẫu số 65/BB-MNP).
66. Thông báo về việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính (Mẫu số 66/TB-TGN).
67. Thông báo về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Mẫu số 67/TB-CCHC).
68. Thông báo về việc xử phạt trực xuất (Mẫu số 68/TB-TX).
69. Tóm tắt lý lịch và hành vi vi phạm pháp luật của người bị đề nghị trực xuất (Mẫu số 69/TTLL-TX).

70. Bảng thống kê tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (Mẫu số 70/BTK).

#### **Điều 4. In, sử dụng và quản lý các biểu mẫu**

1. Công an các đơn vị, địa phương khi in biểu mẫu quy định tại Điều 3 Thông tư này phải in thống nhất trên khổ giấy A4, không được thay đổi nội dung của mẫu; có trách nhiệm quản lý việc in, cấp phát, sử dụng biểu mẫu và có sổ sách theo dõi.

Các biểu mẫu: Biên bản vi phạm hành chính (mẫu số 43/BB-VPHC), Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản (mẫu số 01/QĐ-XPCLBB), Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (mẫu số 02/QĐ-XPHC) phải được đóng thành quyển 100 trang cho mỗi loại, có bìa và đánh số thứ tự.

2. Công an các đơn vị, địa phương có cơ sở dữ liệu để lưu trữ mẫu Biên bản vi phạm hành chính (mẫu số 43/BB-VPHC), Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản (mẫu số 01/QĐ-XPCLBB), Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (mẫu số 02/QĐ-XPHC) và tự động cập nhật số văn bản thì được sử dụng máy tính để nhập nội dung thông tin, lấy số và in các mẫu nêu trên thành từng bản trên giấy A4 bằng máy in laser và lập sổ sách theo dõi.

3. Kinh phí in các biểu mẫu được lấy từ ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động của các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính.

Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí in, sử dụng, quản lý các biểu mẫu thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật này.

#### **Điều 5. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 5 năm 2019 và thay thế Thông tư số 34/2014/TT-BCA ngày 15/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về các biểu mẫu để sử dụng khi xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân.

2. Công an các đơn vị, địa phương đã in các biểu mẫu được ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính từ trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa sử dụng hết thì được tiếp tục sử dụng; chậm nhất từ ngày 01/7/2019 thì phải thực hiện thống nhất theo biểu mẫu quy định tại Thông tư này.

#### **Điều 6. Trách nhiệm thi hành**

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) để có hướng dẫn kịp thời./.

***Nơi nhận:***

- Các đ/c Thứ trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Công an;
- Lưu: VT, C06(P1).

**BỘ TRƯỞNG**

**Đại tướng Tô Lâm**